

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN KHÊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 718 /UBND-VP

An Khê, ngày 14 tháng 6 năm 2019

V/v cung cấp thông tin công
khai lên Cổng thông tin điện tử

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND thị xã;
- UBND các xã, phường.

Thực hiện Văn bản số 1823/VP-TTTH ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Văn phòng UBND tỉnh Gia Lai về việc cung cấp thông tin công khai lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai, UBND thị xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND thị xã và UBND các xã, phường triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Khẩn trương triển khai và duy trì thực hiện thường xuyên việc cung cấp tài liệu và thông tin về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, tài liệu pháp lý, ngân sách, đất đai, các dự án đầu tư công, dự án kêu gọi đầu tư, thông tin mời thầu, danh sách thanh, kiểm tra theo kế hoạch được phê duyệt hàng năm... và các thông tin phải được công khai theo quy định tại Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016.

2. Thực hiện nghiêm túc Văn bản số 506/UBND-VP ngày 06/5/2019 của UBND thị xã về việc tăng cường công khai thông tin trên Cổng/ Trang thông tin điện tử.

3. Thông tin gửi về: Văn phòng HĐND và UBND thị xã (qua Ban biên tập Trang thông tin điện tử thị xã An Khê); 585 Quang Trung, thị xã An Khê, Gia Lai; đồng thời gửi file theo địa chỉ: huynb.ankhe@gialai.gov.vn.

Văn phòng HĐND và UBND thị xã có trách nhiệm tổng hợp các tài liệu và thông tin về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, tài liệu pháp lý, ngân sách, đất đai, các dự án đầu tư công, dự án kêu gọi đầu tư, thông tin mời thầu, danh sách thanh, kiểm tra theo kế hoạch được phê duyệt hàng năm... tham mưu UBND thị xã văn bản gửi về Văn phòng UBND tỉnh Gia Lai; Số 02 Trần Phú, thành phố Pleiku, Gia Lai; đồng thời gửi file theo địa chỉ: ttth.vpub@gialai.gov.vn.

Nhận được Công văn này, các các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND thị xã; UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND thị xã về kết quả thực hiện các nhiệm vụ nêu trên. / *mel*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND thị xã;
- BBT Trang TTĐT thị xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Vỹ

UBND TỈNH GIA LAI
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4823/VP-TTTH

Gia Lai, ngày 05 tháng 6 năm 2019

V/v cung cấp thông tin công khai lên
Công Thông tin điện tử tỉnh Gia Lai

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Thông báo kết luận số 55/TB-VP, ngày 16/5/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp nghe Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2018 và đề xuất giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2019 của tỉnh Gia Lai. Văn phòng UBND tỉnh đề nghị các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cung cấp các tài liệu và thông tin về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, tài liệu pháp lý, ngân sách, đất đai, các dự án đầu tư công, dự án kêu gọi đầu tư, thông tin mời thầu, danh sách thanh, kiểm tra theo kế hoạch được phê duyệt hằng năm... một cách chi tiết, và các thông tin cần cung cấp như Điều 17 của Luật Tiếp cận thông tin để Văn phòng UBND tỉnh đăng tải lên Công Thông tin điện tử tỉnh Gia Lai được công khai, minh bạch nhằm phục vụ tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp.

Thông tin gửi về Văn phòng UBND tỉnh Gia Lai – Số 02 Trần Phú, Pleiku, Gia Lai; đồng thời gửi theo địa chỉ ttth.vpub@gialai.gov.vn.

Đề nghị các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh VP, các PVP;
- Lưu: VT, TTTH.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Ngô Ngọc Sinh

Văn bản gửi đồng Công báo

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: 104/2016/QH13

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ	
CÔNG VĂN ĐẾN	
Giờ Ngày 09/15	
Kính chuyển: TTĐT C&K	

**LUẬT
TIẾP CẬN THÔNG TIN**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật tiếp cận thông tin.*

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, nguyên tắc, trình tự, thủ tục thực hiện quyền tiếp cận thông tin, trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thông tin* là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra.

2. *Thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra* là tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản.

3. *Tiếp cận thông tin* là việc đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp thông tin.

4. *Cung cấp thông tin* bao gồm việc cơ quan nhà nước công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân.

Điều 3. Nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin

1. Mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

2. Người cung cấp thông tin có một trong các hành vi quy định tại Điều 11 của Luật này mà gây thiệt hại thì cơ quan nhà nước cung cấp thông tin phải bồi thường thiệt hại, cá nhân có hành vi vi phạm có trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

3. Người thực hiện quyền tiếp cận thông tin sử dụng thông tin được cung cấp gây ảnh hưởng xấu đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Áp dụng pháp luật về tiếp cận thông tin

Luật này áp dụng chung cho việc tiếp cận thông tin của công dân. Trường hợp luật khác có quy định về việc tiếp cận thông tin mà không trái với quy định tại Điều 3 của Luật này thì được thực hiện theo quy định của luật đó.

CHƯƠNG II

CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 17. Thông tin phải được công khai

1. Các thông tin sau đây phải được công khai rộng rãi:

a) Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước;

b) Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước;

c) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính;

d) Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước;

đ) Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực

hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước;

e) Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ;

g) Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn;

h) Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo giám sát tình hình thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước đại diện chủ sở hữu; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

i) Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe của cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động;

k) Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do cơ quan nhà nước ban hành;

l) Báo cáo công tác định kỳ; báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; cơ sở dữ liệu quốc gia ngành, lĩnh vực; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học;

m) Danh mục thông tin phải công khai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 của Luật này; tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin;

n) Thông tin liên quan đến lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;

o) Thông tin về thuế, phí, lệ phí;

p) Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước chủ động công khai thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ.

Điều 18. Hình thức, thời điểm công khai thông tin

1. Các hình thức công khai thông tin bao gồm:

- a) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;
- b) Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng;
- c) Đăng Công báo;
- d) Niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước và các địa điểm khác;
- đ) Thông qua việc tiếp công dân, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;
- e) Các hình thức khác thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định về hình thức công khai đối với thông tin cụ thể thì áp dụng quy định đó.

Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức công khai thông tin thì căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin có thể lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này bảo đảm để công dân tiếp cận được thông tin.

3. Đối với đối tượng là người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ngoài các hình thức quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước xác định hình thức công khai thông tin phù hợp với khả năng, điều kiện tiếp cận thông tin của công dân.

4. Thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày tạo ra thông tin, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải công khai thông tin.

Điều 19. Công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử

1. Trong các thông tin quy định tại Điều 17 của Luật này, các thông tin sau đây phải được công khai trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử:

Điều 35. Trách nhiệm của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật về tiếp cận thông tin;

b) Quy định biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin;

c) Thực hiện các biện pháp phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức về quyền và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và công dân trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin;

d) Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị, công dân trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin;

đ) Thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, xử lý vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin;

e) Hướng dẫn kỹ thuật về biện pháp, quy trình bảo quản thông tin và hệ thống quản lý thông tin;

g) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại các điểm a, c, d, đ và g khoản 1 Điều này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm e khoản 1 Điều này.

4. Bộ Tư pháp giúp Chính phủ theo dõi chung việc thi hành Luật này.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý nhà nước trên địa bàn, thi hành các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng dẫn của Chính phủ.

6. Cơ quan nhà nước căn cứ vào điều kiện thực tế của mình, tạo điều kiện cho người yêu cầu trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu tại trụ sở; trang bị bảng thông tin hoặc thiết bị khác để công khai thông tin.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Điều khoản áp dụng

1. Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có quyền yêu cầu cung cấp thông tin liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của họ.

Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam được áp dụng theo quy định tại Chương III của Luật này.

2. Công dân có thể yêu cầu cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp của mình trong trường hợp nhiều người của tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp đó cùng có yêu cầu cung cấp thông tin giống nhau.

Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

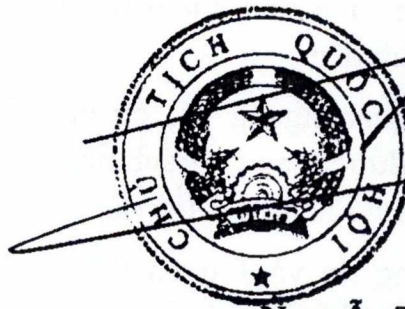
Điều 37. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

Chính phủ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



Nguyễn Thị Kim Ngân

Số: 506 /UBND-VP

An Khê, ngày 06 tháng 5 năm 2019

V/v tăng cường công khai
thông tin trên Cổng/Trang
thông tin điện tử

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND thị xã;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Thực hiện Công văn số 659/UBND-KGVX ngày 02/4/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc tăng cường công khai thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử, UBND thị xã yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND thị xã và Chủ tịch UBND các xã, phường triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Văn phòng HĐND và UBND thị xã

Tăng cường công tác quản trị, cập nhật, đăng tải kịp thời tin, bài và các thông tin được cung cấp từ các cơ quan, đơn vị có liên quan; tạo lập các chuyên mục theo quy định trên Trang thông tin điện tử thị xã, đảm bảo công tác công khai thông tin kịp thời, nhanh chóng.

Quản trị, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo yêu cầu tại Công văn số 659/UBND-KGVX ngày 02/4/2019 của UBND tỉnh, đồng thời tham mưu UBND thị xã báo cáo việc khắc phục những hạn chế trong việc cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử thị xã theo đúng quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND thị xã

Tổ chức quản trị, triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung tại Công văn số 659/UBND-KGVX ngày 02/4/2019 của UBND tỉnh.

Thường xuyên rà soát, cung cấp nội dung các thông tin theo yêu cầu tại Công văn số 659/UBND-KGVX ngày 02/4/2019 của UBND tỉnh; theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, thực hiện rà soát, lập danh mục thủ tục hành chính, nội dung từng thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung thuộc trách nhiệm giải quyết hoặc tham mưu giải quyết của cơ quan, đơn vị mình dưới dạng file word (theo mẫu đính kèm) gửi về Ban biên tập Trang thông tin điện tử thị xã (qua Văn phòng HĐND và UBND thị xã; địa chỉ email: huynb.ankhe@gialai.gov.vn) trước ngày **10/5/2019** để tổng hợp, đăng tải trên Trang thông tin điện tử thị xã theo đúng quy định.

3. Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã

Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị; phối hợp với Phòng Nội vụ, Văn phòng HĐND và UBND thị xã lồng ghép nội dung kiểm tra việc cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử, công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính của thị xã; tổng hợp, tham mưu UBND thị xã báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu.

4. UBND các xã, phường

Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các nội dung tại Công văn số 659/UBND-KGVX ngày 02/4/2019 của UBND tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

Thường xuyên cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của đơn vị mình kịp thời, đầy đủ theo quy định. Chú trọng việc đăng tải các tin, bài phản ánh công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo xã, phường, các hoạt động phong trào trên địa bàn; công khai đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết ở xã, phường nhằm phục vụ tốt cho việc tra cứu của tổ chức, cá nhân.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND thị xã và Chủ tịch UBND các xã, phường khẩn trương triển khai thực hiện. /...
..

Nơi nhận:

- Như trên ;
- Lãnh đạo UBND thị xã;
- BBT Trang TTĐT thị xã;
- Lưu: VT, VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Vỹ

BIỂU MẪU CUNG CẤP THÔNG TIN TTHC

(Kèm theo Công văn số 506 /UBND-VP ngày 06 / 5 /2019 của UBND thị xã)

DANH MỤC TTHC MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Số Quyết định ban hành, ngày ban hành	Ghi chú
1	Thủ tục A			Ban hành mới
2	Thủ tục B			Thay thế TTHC E
3	Thủ tục C			Sửa đổi TTCH F
				

NỘI DUNG TTHC

1. Thủ tục A

- Thẩm quyền giải quyết:.....
- Lĩnh vực:.....
- Trình tự thực hiện:.....
- Cách thức thực hiện:.....
- Thành phần hồ sơ:.....
- Thời hạn giải quyết:.....
- Cơ quan thực hiện:.....
- Đối tượng thực hiện:.....
- Lệ Phí:.....
- Kết quả thực hiện:.....
- Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:.....
- Căn cứ pháp lý
- Biểu mẫu: Ghi đầy đủ **tên** các biểu mẫu

* **Chú ý:** Nội dung từng biểu mẫu được lập thành 01 file word riêng gửi kèm theo đề tổng hợp.

2. Thủ tục B....

- Trình tự các nội dung giống như thủ tục A
-

Số: 659 /UBND-KGVX

V/v tăng cường công khai thông tin
lên Cổng/Trang thông tin điện tử

Gia Lai, ngày 02 tháng 4 năm 2019

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh.

Để tăng cường tính minh bạch trong tiếp cận thông tin, tạo thuận lợi cho công dân, tổ chức tiếp cận thông tin cần thiết liên quan tới các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao chỉ số PCI của tỉnh trong thời gian tới. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động số 1991/KH-UBND ngày 10/9/2018 về việc nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2018 và những năm tiếp theo của tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, theo báo cáo của Sở Thông tin và Truyền thông tại công văn số 192/STTT-CNTT ngày 21/02/2019 việc cung cấp thông tin để tăng cường tính minh bạch trong tiếp cận thông tin của các đơn vị, địa phương thời gian qua thực hiện chưa nghiêm túc, toàn tỉnh chỉ có 07 đơn vị thực hiện đúng quy định (*UBND tỉnh, Sở Giao thông Vận tải, Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng, Sở Nội vụ, Sở Tài Nguyên và Môi trường; có phụ lục kèm theo*) làm ảnh hưởng tới chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh (PCI); UBND tỉnh yêu cầu các đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

1. Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Tiếp tục duy trì có hiệu quả hoạt động của các trang/cổng thông tin điện tử, rà soát, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin **bắt buộc** phải công khai lên trang/cổng thông tin điện tử theo các quy định như sau:

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2012 (Mục 1, Chương II); Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng;

Luật Công nghệ thông tin năm 2006 (Khoản 2, Điều 28); Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước (Chương II, cung cấp thông tin);

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (Điều 15); Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước (Điều 51);

Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 (Điều 19); Nghị định số 18/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin (Điều 11);

Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; Quyết định

số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh về Quy chế tiếp nhận, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh;

Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của UBND tỉnh quy định về thiết lập, quản lý, cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến đối với trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị Nhà nước thuộc tỉnh Gia Lai;

Các nội dung thuộc các chuyên ngành có quy định phải công khai, cung cấp thông tin lên trang/cổng thông tin điện tử.

- Khắc phục ngay các nội dung tồn tại trong việc cung cấp thông tin lên Cổng Trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương mình, báo cáo kết quả khắc phục về UBND tỉnh trước ngày 15/4/2019 (qua Sơ Thông tin và Truyền thông tổng hợp).

- Quyết liệt chỉ đạo, chịu trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin lên Cổng Trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương mình, đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo quy định; khi được công dân, doanh nghiệp yêu cầu cung cấp thông tin, thì phải nhanh chóng xử lý và cung cấp chậm nhất trong thời hạn 02 ngày (trừ những văn bản có tính chất mật theo quy định của pháp luật). Thực hiện nghiêm túc các nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 416/UBND-KGVX ngày 27/02/2019 về việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính.

2. Văn phòng UBND tỉnh:

- Tiếp tục tăng cường việc cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; các nội dung thông tin phải được cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định, nhất là các thông tin như: Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; quyết định xử phạt vi phạm hành chính; các chính sách ưu đãi, các dự án mời gọi đầu tư; thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công; thông tin về đấu thầu; thông tin về thu hồi đất, phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn; thông tin về tuyển dụng công chức, viên chức, bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; thông tin về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, thông tin về giá, phí, lệ phí; kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh...

- Phối hợp với Sơ Thông tin và Truyền thông duy trì, nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế, tạo thuận tiện để công dân, doanh nghiệp truy cập, tra cứu thông tin.

- Chủ trì, phối hợp với Sơ Thông tin và Truyền thông để quản trị thông tin của tỉnh trên mạng xã hội Zalo, yêu cầu các đơn vị, địa phương trả lời kiến nghị hoặc cung cấp thông tin (trừ các thông tin mật hoặc chưa được công bố theo quy định của pháp luật) theo yêu cầu của người dân và doanh nghiệp qua kênh thông tin Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai trên Zalo.

3. Sơ Thông tin và Truyền thông:

- Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện cung cấp thông tin của các đơn vị, địa phương lên các trang thông tin điện tử; phối hợp với Sở Nội vụ lồng

ghép nội dung kiểm tra việc cung cấp thông tin nêu trên trong Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính hằng năm của tỉnh; kiểm tra việc ứng dụng công nghệ thông tin hằng năm để báo cáo UBND tỉnh; đồng thời tiếp tục duy trì kết nối với mạng xã hội Zalo để phục vụ công dân, doanh nghiệp tra cứu các thông tin cần thiết; báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh định kỳ theo quy định.

- Tổng hợp kết quả khắc phục những hạn chế trong việc thực hiện cung cấp thông tin lên Cổng/Trang thông tin điện tử của các đơn vị, địa phương nêu tại Phụ lục gửi kèm, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 20/4/2019.

4. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh: Hướng dẫn các doanh nghiệp tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các hệ thống phục vụ doanh nghiệp mà tỉnh đã xây dựng (đặc biệt là giao tiếp với Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh và của các đơn vị, địa phương; sử dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4; việc giải quyết các thủ tục hành chính; sử dụng mạng xã hội Zalo để tra cứu thông tin đề xuất, kiến nghị với chính quyền; thực hiện các dịch vụ công trực tuyến...), kịp thời phản ánh các nội dung còn chưa đạt về thực hiện tính minh bạch và hiện đại hóa nền hành chính của các đơn vị, địa phương về Sở Thông tin và Truyền thông để phối hợp xử lý hoặc báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.

Nhận được văn bản này, yêu cầu các đơn vị, địa phương nghiêm túc thực hiện./.

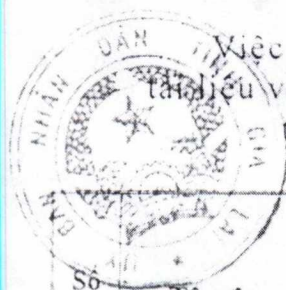
Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đ/e Chủ tịch, các PCT, UBND tỉnh;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NC, TTTH, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Thành



PHỤ LỤC

Việc cập nhật các tài liệu pháp lý; tài liệu quy hoạch, kế hoạch; tài liệu về ngân sách; thông tin mời thầu; chuyên mục tiếp cận thông tin trên trang thông tin điện tử của các đơn vị, địa phương

Số TT	Tên đơn vị/địa phương	Tài liệu pháp lý	Tài liệu quy hoạch, kế hoạch	Tài liệu về ngân sách	Thông tin mời thầu	Chuyên mục Tiếp cận thông tin	Ghi chú
I. Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh và các sở, ban, ngành							
1	Ủy ban nhân dân tỉnh	Có	Có	Có	Có	Có	
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Có	Có	Có	Có	Không	
3	Sở Khoa học và Công nghệ	Có	Có	Không	Có	Có	
4	Sở Giao thông Vận tải	Có	Có	Có	Có	Có	
5	Sở Tư pháp	Có	Có	Không	Không	Không	
6	Sở Y tế	Có	Có	Có	Có	Có	
7	Sở Công thương	Có	Có	Không	Có	Không	
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	Có	Có	Không	Có	Có	
9	Ban Dân tộc tỉnh	Có	Có	Không	Có	Có	
10	Sở Thông tin và Truyền thông	Có	Có	Có	Có	Có	
11	Sở Tài chính	Có	Có	Có	Có	Không	
12	Sở Xây dựng	Có	Có	Có	Có	Có	
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Có	Có	Không	Có	Không	
14	Sở Nội vụ	Có	Có	Có	Có	Có	
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Có	Có	Không	Có	Không	
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	Có	Có	Có	Có	Có	
17	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Có	Có	Không	Có	Không	
18	Thanh tra tỉnh	Có	Có	Không	Không	Không	
19	Ban Quản lý các khu kinh tế tỉnh	Có	Có	Có	Có	Không	
20	Sở Ngoại vụ	Có	Không	Không	Không	Không	
II. Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND các huyện, thị xã, thành phố							
21	Chư Prông	Có	Có	Không	Không (Chỉ có thông tin dự án)	Không	
22	Kông Chro	Có	Có mục nhưng không có tin bài	Không	Không	Không	

Số TT	Tên đơn vị/địa phương	Tài liệu pháp lý	Tài liệu quy hoạch, kế hoạch	Tài liệu về ngân sách	Thông tin mời thầu	Chuyên mục Tiếp cận thông tin	Ghi chú
23	Chư Sê	Có	Có mục nhưng không có tin bài	Không	Không	Không	
24	Ia Pa	Có	Có	Không	Không	Không	
25	Chư Păh	Có	Có mục nhưng không có tin bài	Không	Không	Không	
26	Ayun Pa	Có	Có mục nhưng không có tin bài	Không	Không	Không	
27	Mang Yang	Có	Có mục nhưng không có tin bài	Không	Không	Không	
28	Phú Thiện	Có	Có	Không	Không	Không	
29	Đak Pơ	Có	Có	Không	Không	Không	
30	Đức Cơ	Có	Có	Có	Không	Có	
31	Krông Pa	Có	Có	Không	Không	Không	
32	Pleiku	Có	Có	Không	Không	Không	
33	Chư Puh	Có	Có	Không	Có (Không đầy đủ)	Không	
34	Đak Đoa	Có	Có	Không	Không	Không	
35	Ia Grai	Có	Có mục nhưng không có tin bài	Không	Không	Không	
36	An Khê	Có	Không	Không	Không	Không	
37	Kbang	Có	Có tin nhưng không xem được	Không	Không	Không	